TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 455/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2023
V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh
Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2023/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2023/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 2002.
Địa chỉ: KP 6, TT GR, huyện GR, tỉnh KG
- *Bị đơn:* Anh Đinh Ngọc T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: KDC NC, xã NC, huyện GR, tỉnh KG

(Chị L, anh T có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chúc L trình bày: Chị L và anh Đinh Ngọc T được hai bên gia đình mai mối, tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 18/01/2022, nhưng không đăng ký hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chưa thật sự tìm hiểu về nhau nên khi về chung sống không phù hợp tính nết nên nảy sinh cự cải thường xuyên và mâu thuẫn về các khoản chi tiêu của gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cải và đã sống ly thân mấy tháng nay. Nay chị L xét thấy hôn nhân giữa chị và T không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, nên chị xin được ly hôn với anh Đinh Ngọc T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2023 anh Đinh Ngọc T bị đơn trình bày: Anh T xác nhận lời trình bày của chị L về hôn nhân; con chung; tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay chị L yêu cầu được ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung và tài sản chung; nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Đinh Ngọc T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Ngọc An, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị L anh T được hai bên gia đình mai mối chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận chị L anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008133 ngày 19/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị Chúc L và anh Đinh Ngọc T.

2. Về nuôi con: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Chúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí tòa án số 0008133 ngày 19/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Chúc L, anh Đinh Ngọc T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giòng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên